

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2015/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 21 tháng 8 năm 2015

### QUYẾT ĐỊNH

**Quy định hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện đã hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Liên Bộ Tài chính - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đặc thù di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện;

Căn cứ Thông tư số 22/2015/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện một số Điều tại Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 157/TT-SNN&PTNT-CCPTNT ngày 20/5/2015,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Quy định hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện đã hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh:** Quyết định này áp dụng đối với các dự án thủy lợi, thủy điện đã hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ năm 2006 trở về sau theo Khoản 2, Điều 23, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ (dưới đây viết tắt là Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg).

a) Các dự án thủy lợi, thủy điện quy định tại Khoản 1, Điều 87, Luật Đất đai năm 2013.

b) Các dự án thủy điện và các dự án thủy lợi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo đề nghị của Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**2. Đối tượng áp dụng:** Theo Khoản 2, Điều 2, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg, cụ thể:

a) Hộ gia đình sau tái định cư và hộ gia đình bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng khu, điểm tái định cư thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện.

b) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chính sách ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện chính sách ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.

**3. Nguyên tắc hỗ trợ:** Trong cùng thời gian, cùng một nội dung hỗ trợ mà có nhiều quy định hỗ trợ của UBND tỉnh từ các chương trình, dự án khác nhau, thì đối tượng thụ hưởng được chọn một mức hỗ trợ cao nhất.

**4. Nội dung hỗ trợ:** Nội dung và mức hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất được áp dụng theo Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg; trong đó, UBND tỉnh quy định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với tình hình và điều kiện của địa phương như sau:

a) Hỗ trợ chuyển đổi cây trồng, con vật nuôi có giá trị kinh tế cao theo Khoản 1, Điều 16, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg, như sau:

Hỗ trợ một lần tiền mua giống và hỗ trợ 03 (ba) năm tiền mua phân bón để chuyển từ trồng cây hằng năm sang trồng cây lâu năm, gồm: Chè, hồ tiêu, cao su (tiểu điền), cây ăn quả và cây dược liệu, cây nguyên liệu sinh học. Mức hỗ trợ 15.000.000 đồng/1ha, mỗi hộ được hỗ trợ không quá 01 ha. Riêng, chuyển đổi sang trồng cây cao su (tiểu điền), mỗi hộ được hỗ trợ không quá 02 ha.

Hỗ trợ tiền mua giống và phân bón cho ba vụ sản xuất liên tiếp để chuyển đổi cơ cấu giống đối với cây ngắn ngày, gồm: Cây lương thực, cây dược liệu và các loại cây khác theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/1ha cho cả ba vụ sản xuất liên tiếp, mỗi hộ được hỗ trợ không quá 01 ha.

Hỗ trợ tiền mua giống gia cầm, thủy sản và gia súc, như sau: Hai lần tiền mua giống dê, lợn hoặc mua giống gia cầm và thủy sản với mức hỗ trợ (cả 2 lần) 8.000.000 đồng/1hộ hoặc hỗ trợ một lần tiền mua giống trâu, bò với mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/1hộ hoặc hỗ trợ một đến hai lần tiền mua giống gia súc và cả giống gia cầm, giống thủy sản với mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/1hộ.

Hỗ trợ lãi suất vốn vay theo điểm d, Khoản 1, Điều 16, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg:



Đối với hộ nghèo theo tiêu chí hộ nghèo hiện hành thì được hỗ trợ lãi suất vốn vay bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo hiện hành. Thời gian hỗ trợ lãi suất là 3 (ba) năm, cụ thể:

Mức vay vốn được hỗ trợ tối đa là 50.000.000 đồng/hộ để mua giống trâu, bò hoặc phát triển ngành nghề.

Mức vay vốn được hỗ trợ tối đa là 40.000.000 đồng/hộ để mua giống dê, lợn, gia cầm, thủy sản.

Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật theo quy định tại Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về Khuyến nông; Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Liên Bộ Tài chính - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước đối với hoạt động khuyến nông.

b) Hỗ trợ bảo vệ rừng, phát triển rừng và sản xuất nông, lâm kết hợp theo Khoản 2, Điều 16, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg: Hỗ trợ một lần cho hộ gia đình được giao đất trồng rừng sản xuất để mua cây giống, phân bón và chi phí một phần nhân công trồng rừng. Mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/1ha.

c) Người lao động thuộc các hộ sau tái định cư và các hộ bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng khu, điểm tái định cư có nhu cầu đào tạo chuyển đổi nghề và việc làm, được hỗ trợ theo Khoản 3, Điều 16, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg, như sau:

Học nghề trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 (ba) tháng được Nhà nước hỗ trợ một lần bằng 1,5 lần chi phí học nghề theo quy định tại Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 15/02/2011 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Quảng Nam đến năm 2020 và Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND tỉnh về quy định danh mục nghề và định mức kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng được Nhà nước trả học phí một lần cho một khóa học. Mức học phí được trả bằng mức thu học phí thực tế của cơ sở đào tạo, nhưng tối đa không quá mức trần học phí đối với cơ sở đào tạo nghề trung cấp, cao đẳng công lập theo quy định tại Nghị quyết số 41/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định mức thu học phí đối với các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam từ năm học 2012 - 2013 đến năm học 2014 - 2015.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Sở, Ban ngành và các địa phương tham mưu trình UBND tỉnh:

a) Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện dự án đầu tư ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh.

b) Tổng hợp vốn các dự án, đăng ký vốn dự án, kế hoạch sử dụng vốn ngân sách Trung ương hằng năm với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định tại Điều 21, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg.

c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc quản lý, thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; hằng quý báo cáo công tác sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương theo quy định gửi các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tổng hợp những tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lồng ghép vốn các chương trình, dự án hiện có trên địa bàn vào dự án đầu tư ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư.

3. Sở Tài chính chủ trì hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý và cấp phát, thanh, quyết toán vốn dự án đầu tư ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì hướng dẫn, kiểm tra việc lập hồ sơ địa chính, thu hồi đất, giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ tái định cư.

5. Sở Công thương hướng dẫn việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn với sản xuất và chế biến sản phẩm nông, lâm nghiệp ở vùng dự án thủy lợi, thủy điện.

6. Sở Xây dựng hướng dẫn thực hiện quy hoạch các điểm tái định cư nông thôn, tái định cư đô thị, quy hoạch xây dựng nhà ở, xây dựng nông thôn mới; hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức, dự toán xây dựng các công trình trong khu, điểm tái định cư.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người dân bị thu hồi đất nông nghiệp chuyển đổi nghề.

8. Các Sở, Ban, ngành liên quan theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong triển khai, hướng dẫn, giám sát thực hiện dự án đầu tư ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư.

9. Đề nghị UBNDTTQVN tỉnh và các Hội, đoàn thể của tỉnh phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt các chính sách quy định tại Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg và các quy định tại Quyết định này; giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống và phát triển sản xuất cho người dân sau tái định cư.

10. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Tổ chức lập dự án đầu tư ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn theo hướng dẫn Thông tư số 22/2015/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2015 của bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Thực hiện lồng ghép vốn các chương trình, dự án hiện có trên địa bàn vào dự án; tổ chức triển khai thực hiện dự án đầu tư ổn định đời sống và sản xuất trên địa bàn theo các quy định hiện hành.

c) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; hằng quý báo cáo tình hình thực hiện dự án, công tác quản lý và sử dụng vốn đầu tư cho dự án gửi các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính.

d) Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm các chính sách quy định tại Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg và quy định tại Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

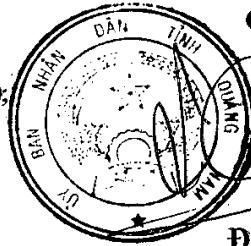
**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /k

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- VPCP (B/c);
- Website Chính phủ;
- Các Bộ: NN và PTNT, TC, KH vàĐT (B/c);
- Cục Kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng KTVB Sở Tư pháp;
- CPVP;
- Báo Quảng Nam, Đài PTTH Quảng Nam;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NC, VX, KTN, KHTH (Mý).

*(DAMy) Quyết định PQ2005 và bồi thường, hỗ trợ dự án thủy lợi, thủy điện 2015.doc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đình Văn Thu**